# BIỂU

## DỰ TOÁN CHI PHÍ THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỢ LẠNG SƠN

*(Kèm theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/4/ 2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

| TT | Nội dung chi phí | Số tiền (1.000đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **I** | **Chi phí thuê đơn vị tư vấn (Mức giá đã bao gồm thuế GTGT)** | | |
| 1 | Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm bán đấu giá | 140.000 | *(1)* |
| 2 | Chi phí thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng cổ phần; Tổ chức chuyển nhượng cổ phần | | *(2)* |
| *2.1* | *Trường hợp giao dịch ngoài sàn* | *187.000* | *(3)* |
| - | Trường hợp bán đấu giá công khai: | 110.000 | |
| - | Trường hợp chuyển nhượng vốn theo phương thức bán đấu giá công khai không thành công hoặc chưa bán hết và chuyển sang chào bán cạnh tranh, phương thức thoả thuận mức phí tư vấn sẽ được các bên thoả thuận tại Phụ lục hợp đồng nhưng tối đa không quá 70% mức phí tư vấn theo phương thức bán đấu giá công khai | 77.000 | |
| *2.2* | *Trường hợp giao dịch trên sàn:* | *77.000* | *(4)* |
| **II** | **Chi phí giao dịch cổ phiếu** | | |
| **1** | **Trường hợp giao dịch ngoài sàn** | **122.914** | **(5)** |
| *1.1* | *Trường hợp bán đấu giá công khai* | *61.457* | *(6)* |
| - | Chi phí đăng báo công bố thông tin về bán cổ phần trên báo (đăng 3 số liên tiếp trên báo Trung ương và địa phương) | 25.000 | |
| - | Chi phí phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán (0,15% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được: 823.875cp x 29.500đ x 0,15%) | 36.457 | |
| *1.2* | *Trường hợp chào bán **cạnh tranh, thoả thuận** (nếu phát sinh)* | *61.457* | *(7)* |
| - | Chi phí đăng báo công bố thông tin về bán cổ phần trên báo (đăng 3 số liên tiếp trên báo Trung ương và địa phương) | 25.000 | |
| - | Chi phí phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán (0,15% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được: 823.875cp x 29.500đ x 0,15%) | 36.457 | |
| **2** | **Trường hợp giao dịch trên sàn:** | **15.499** | **(8)** |
| *2.1* | *Chi phí lưu ký chứng khoán (0,27 đồng/CP/tháng = 0,27 đồng x 823.875 cổ phần x 2 tháng)* | *445* | |
| *2.2* | *Phí giao dịch: (0,057% x số cổ phần x giá bán cổ phần); giả định giá chuyển nhượng là 29.500 đồng theo giá năm 2021* | *13.854* | |
| *2.3* | *Phí rút chứng khoán (nếu có)* | *100* | |
| *2.4* | *Chi phí chuyển tiền thu từ đấu giá về tài khoản ngân hàng theo quy định* | *1.100* | |
| **III** | **Chi phí tại doanh nghiệp** | **25.000** | **(9)** |
| 1 | Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản | 5.000 | |
| 2 | Chi phí in ấn hồ sơ tài liệu, chi phí phát sinh khác | 20.000 | |
| | **Tổng cộng** | | |
| **1** | **Trường hợp giao dịch ngoài sàn {(1)+(3)+(5)+(9)}** | **474.914** | |
| **2** | **Trường hợp giao dịch trên sàn {(1)+(4)+(8)+(9)}** | **257.499** | |

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Kèm theo Tờ trình số : 41 /TTr-STC ngày 29 /3/2024 của Sở Tài chính)*

*Đơn vị tính: 1.000đồng*

| TT | Các khoản chi phí | DN trình | Thẩm định | Chênh lệch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Chi phí thuê đơn vị tư vấn** | | | | |
| 1 | Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá khởi điểm bán đấu giá | 165.000 | 140.000 | (25.000) | *(1)* |
| 2 | Chi phí thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng cổ phần và tổ chức bán đấu | | | 0 | *(2)* |
| *2.1* | *Trường hợp giao dịch ngoài sàn* | *255.000* | *187.000* | *(68.000)* | *(3)* |
| - | Trường hợp bán đấu giá công khai: | 150.000 | 110.000 | (40.000) | |
| - | Trường hợp chuyển nhượng vốn theo phương thức bán đấu giá công khai không thành công hoặc chưa bán hết và chuyển sang chào bán cạnh tranh, phương thức thoả thuận mức phí tư vấn sẽ được các bên thoả thuận tại Phụ lục hợp đồng nhưng tối đa không quá 70% mức phí tư vấn theo phương thức bán đấu giá công khai | 105.000 | 77.000 | (28.000) | |
| *2.2* | *Trường hợp giao dịch trên sàn:* | 150.000 | *77.000* | *(73.000)* | *(4)* |
| **II** | **Chi phí bán giao dịch cổ phiếu** | | | | |
| **1** | **Trường hợp giao dịch ngoài sàn (tính đến phương thức thoả thuận)** | **122.914** | **122.914** | **0** | **(5)** |
| *1.1* | *Trường hợp bán đấu giá công khai* | *61.457* | *61.457* | | *(6)* |
| - | Chi phí đăng báo công bố thông tin về bán cổ phần trên báo (đăng 3 số liên tiếp trên báo Trung ương và địa phương) | 25.000 | 25.000 | 0 | |
| - | Chi phí phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán (0,15% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được: 823.875cp x 29.500đ x 0,15%) | 36.457 | 36.457 | 0 | |
| *1.2* | *Trường hợp chào bán cạnh tranh (nếu phát sinh)* | *61.457* | *61.457* | | *(7)* |
| - | Chi phí đăng báo công bố thông tin về bán cổ phần trên báo (đăng 3 số liên tiếp trên báo Trung ương và địa phương) | 25.000 | 25.000 | 0 | |
| - | Chi phí phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán (0,15% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được: 823.875cp x 29.500đ x 0,15%) | 36.457 | 36.457 | 0 | |
| **2** | **Trường hợp giao dịch trên sàn:** | **15.499** | **15.499** | **0** | **(8)** |
| *2.1* | *Chi phí lưu ký chứng khoán (0,0,27 đồng/CP/tháng = 0,27 đồng x 823.875 cổ phần x 2 tháng)* | *445* | *445* | *0* | |
| *2.2* | *Phí giao dịch: (0,057% x số cổ phần x giá bán cổ phần); giả định giá chuyển nhượng là 29.500 đồng theo giá năm 2021* | *13.854* | *13.854* | *0* | |
| *2.3* | *Phí rút chứng khoán (nếu có)* | *100* | *100* | *0* | |
| *2.4* | *Chi phí chuyển tiền thu từ đấu giá về tài khoản ngân hàng theo quy định* | *1.100* | *1.100* | *0* | |
| **III** | **Chi phí tại doanh nghiệp** | **25.000** | **25.000** | **0** | **(9)** |

| TT | Các khoản chi phí | DN trình | Thẩm định | Chênh lệch | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chi phí kiểm kê xác định giá trị tài sản | 5.000 | 5.000 | 0 | |
| 2 | Chi phí in ấn hồ sơ tài liệu, chi phí phát sinh khác | 20.000 | 20.000 | 0 | |
| | **Tổng cộng** | | | | |
| **1** | **Trường hợp giao dịch ngoài sàn {(1)+(3)+(5)+(9)}** | **567.914** | **474.914** | **(93.000)** | |
| **3** | **Trường hợp giao dịch trên sàn {(1)+(4)+(8)+(9)}** | **355.499** | **257.499** | **(98.000)** | |